

Chi tiết mã HS 2713.20.00

Mã HS	2713.20.00
Mô tả hàng hóa	Cốt dầu mỏ, bi-tum dầu mỏ và các cặn khác từ dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ hoặc từ các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum / - Bi-tum dầu mỏ
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	31/10/2026 12:13:25
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 - BIEU THUẾ XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/27132000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K3362
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N3362
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q3362
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ3362
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) - 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E3360
ATIGA	2022	2022	0	AT!E3321
ATIGA	2023	2023	0	AT!F3321
ATIGA	2024	2024	0	AT!G3321
ATIGA	2025	2025	0	AT!H3321
ATIGA	2026	2026	0	AT!I3321
ATIGA	2027	2027	0	AT!J3321
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E3359
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F3359

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G3359
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H3359
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I3359
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J3359
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E3363
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F3363
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G3363
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H3363
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I3363
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J3363
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F3363
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H3327
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F3323
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G3323
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H3323
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I3323
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J3323
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K3323
VKFTA	2022	2022	0	VK!E3323
VKFTA	2023	2023	0	VK!F3323
VKFTA	2024	2024	0	VK!G3323
VKFTA	2025	2025	0	VK!H3323
VKFTA	2026	2026	0	VK!I3323
VKFTA	2027	2027	0	VK!J3323
VCFTA	2022	2022	0	VC!D3370
VCFTA	2023	2023	0	VC!E3370

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F3370
VCFTA	2025	2025	0	VC!G3370
VCFTA	2026	2026	0	VC!H3370
VCFTA	2027	2027	0	VC!I3370
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D3367
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E3367
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F3367
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G3367
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H3367
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I3367
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D3375
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E3375
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F3375
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G3375
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H3375
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I3375
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D3346
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E3346
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F3346
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G3346
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H3346
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I3346
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D3348
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E3348
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F3348
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G3348

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H3348
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I3348
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D3346
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E3346
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F3346
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G3346
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H3346
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I3346
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J3346
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D3367
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E3367
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F3367
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G3367
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H3367
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I3367
RCEP B	2022	2022	0	B!D3367
RCEP B	2023	2023	0	B!E3367
RCEP B	2024	2024	0	B!F3367
RCEP B	2025	2025	0	B!G3367
RCEP B	2026	2026	0	B!H3367
RCEP B	2027	2027	0	B!I3367
RCEP C	2022	2022	0	C!D3367
RCEP C	2023	2023	0	C!E3367
RCEP C	2024	2024	0	C!F3367
RCEP C	2025	2025	0	C!G3367
RCEP C	2026	2026	0	C!H3367

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I3367
RCEP D	2022	2022	0	D!D3367
RCEP D	2023	2023	0	D!E3367
RCEP D	2024	2024	0	D!F3367
RCEP D	2025	2025	0	D!G3367
RCEP D	2026	2026	0	D!H3367
RCEP D	2027	2027	0	D!I3367
RCEP E	2022	2022	0	E!D3370
RCEP E	2023	2023	0	E!E3370
RCEP E	2024	2024	0	E!F3370
RCEP E	2025	2025	0	E!G3370
RCEP E	2026	2026	0	E!H3370
RCEP E	2027	2027	0	E!I3370
RCEP F	2022	2022	0	F!D3367
RCEP F	2023	2023	0	F!E3367
RCEP F	2024	2024	0	F!F3367
RCEP F	2025	2025	0	F!G3367
RCEP F	2026	2026	0	F!H3367
RCEP F	2027	2027	0	F!I3367
VIFTA	2024	2024	0	VI!F3105
VIFTA	2025	2025	0	VI!G3105
VIFTA	2026	2026	0	VI!H3105
VIFTA	2027	2027	0	VI!I3105

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	TNKS khai thác chưa chế biến thành SP khác (181/2025/NĐ-CP PL1)		181/2025/NĐ-CP	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2713.20.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 2713.20.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N3362), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
TNKS khai thác chưa chế biến thành SP khác (181/2025/NĐ-CP PL1)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.